TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOA LU** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22/8/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOA LƯ, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trịnh Hồng Hạnh
2. Ông Tạ Hữu Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quang Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 22/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 58/2023/TLST-HNGĐ ngày 30/6/2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18/8/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1997. Đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn A, xã NH, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Chỗ ở hiện tại: thôn TQ, xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn LH, sinh năm: 1991. Trú tại: thôn A, xã NH, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/6/2023, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị L trình bày: chị và anh Nguyễn Văn LH đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã NH, huyện H vào ngày 12 tháng 8 năm 2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn A, xã NH, huyện H. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau. Mặt khác, vài năm nay, anh LH chơi bời cờ bạc, rượu chè; không tin tưởng chị, thường xuyên ghen tuông vô cớ, kiểm soát chị mọi lúc, mọi nơi. Chị

L đã giải thích nhiều lần nhưng anh LH không nghe. Anh LH thường xuyên mắng chửi thậm chí còn đánh đập chị. Anh LH đã đánh đuổi chị nên chị đã về ở tại nhà bố mẹ đẻ và sống ly thân với anh LH từ tháng 5/2023 cho đến nay. Chị xác định không còn tình cảm với anh LH nên yêu cầu tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh LH.

Vợ chồng chị có 03 con chung là Nguyễn Thị LN, sinh ngày 27/02/2016, Nguyễn Minh Q, sinh ngày 17/01/2018 và Nguyễn Khánh I, sinh ngày 09/10/2019. Hiện chị đang nuôi cháu I nên chị yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu I, anh LH nuôi cháu LN và cháu Q, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Chị là lao động tự do, thu nhập từ 6 đến 7 triệu đồng/tháng. Anh LH làm nghề giết mổ thịt lợn, chị không biết thu nhập cụ thể của anh LH nhưng khoảng 7 đến 9 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không đề nghị tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn - anh Nguyễn Văn LH: Anh LH xác nhận việc kết hôn, thời gian chung sống, vấn đề con chung, tài sản chung, công nợ chung giữa anh và chị L như chị L đã trình bày. Anh LH trình bày: anh và chị L sống với nhau bình thường đến tháng 2/2023 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nguyên nhân là vợ chồng có nghề buôn bán giết mổ thịt lợn nhưng chị L không muốn làm công việc này. Ngoài ra, chị L sử dụng điện thoại nhắn tin với nhiều người, dấu mật khẩu không cho anh biết nên anh có nghi ngờ, ghen tuông. Do đó, vợ chồng có xảy ra cãi vã nhau. Có lần mất kiểm soát anh đã đánh chị L. Tháng 5 năm 2023, chị L đã đưa con út về nhà bố mẹ đẻ ở Nho Quan sinh sống cho đến nay. Anh có đến thuyết phục chị L để vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng chị L không nghe. Anh đề nghị tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Trường hợp chị L nhất quyết xin ly hôn thì anh cũng chấp nhận. Khi ly hôn, anh nhất trí với ý kiến của chị L về việc nuôi con chung.

Cháu Nguyễn Thị LN - con chung của anh LH, chị L trình bày: Trường hợp bố mẹ cháu ly hôn, cháu ở với bố hoặc với mẹ đều được. Hiện 02 chị em cháu ở với bố được bố quan tâm, chăm sóc, cháu thấy thoải mái, bình thường.

Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã NH, huyện H được biết: Quá trình chung sống ở địa phương, vợ chồng anh LH, chị L không có điều tiếng gì. Vợ chồng anh LH, chị L mâu thuẫn như thế nào, nguyên nhân do đâu thì chính quyền địa phương không nắm được do vợ chồng anh LH, chị L không đề nghị địa phương hòa giải mâu thuẫn vợ chồng. Chị L đã đưa con gái út về nhà mẹ đẻ sinh sống.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn vắng mặt trong quá trình hoà giải và tại phiên toà là chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình. Đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia

đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử: cho chị L ly hôn anh LH; giao cháu Nguyễn Thị LN và cháu Nguyễn Minh Q cho anh LH và giao cháu Nguyễn Khánh I cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh LH, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; chị L phải nộp án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn LH là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do. HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh LH theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ hôn nhân giữa anh LH và chị L được xác lập khi anh LH, chị L đã đủ tuổi kết hôn, trên tinh thần tự nguyện, đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Anh LH và chị L phải có trách nhiệm cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, anh LH và chị L bất đồng quan điểm với nhau, không thống nhất, giải quyết được các vấn đề phát sinh trong cuộc sống vợ chồng. Ngoài ra, từ nghi ngờ, ghen tuông vô cớ, anh LH đánh chửi chị L là vi phạm Điều 17, 18, 19, 23 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh LH mong muốn tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng quá trình hòa giải tại tòa án cũng như tại phiên tòa, anh LH đều vắng mặt không có lý do cho thấy anh LH không quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa anh và chị L.

Xét thấy mâu thuẫn giữa anh LH và chị L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cần chấp nhận yêu cầu của chị L về việc ly hôn với anh LH theo quy định tại khoản 1 điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh LH và chị L đều có ý kiến: khi ly hôn, giao cho chị L nuôi cháu I, anh LH nuôi cháu LN và cháu Q, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Xét thấy, các con chung của anh LH và chị L đều trên 03 tuổi. Cháu LN, cháu Q hiện đang do anh LH nuôi dưỡng, cháu I đang do chị L nuôi dưỡng và cháu LN cũng có lời khai muốn ở với bố trong trường hợp bố mẹ ly hôn nên việc giao con chung cho anh LH và chị L nuôi dưỡng khi ly hôn theo đề nghị của anh LH và chị L là đảm bảo sự phát triển bình thường của các cháu. Anh LH, chị L đều là lao động tự do, có thu nhập. Việc anh LH, chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh LH, chị L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Chị L phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 17, 18, 19, 23, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn LH và chị Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị LN, sinh ngày 27/02/2016 và cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 17/01/2018 cho anh LH trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao con chung là cháu Nguyễn Khánh I, sinh ngày 09/10/2019 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh LH, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con. Khi cần thiết, anh LH, chị L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị L phải nộp 300.000 đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0002309 ngày 30/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoa Lư. Chị L đã nộp đủ.

Chị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh LH có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND huyện Hoa Lư;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoa Lư;*
- *UBND xã Ninh Hòa;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, VP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Kim Oanh